

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIỒNG TRÔM  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2024/DS-ST

Ngày: 06-9-2024

V/v: “*Tranh chấp về thừa kế tài sản  
và tranh chấp sản chung*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngoan

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Thành Đông  
Ông Phạm Thành Đồng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Thị Mỹ T – Kiểm sát viên.

Vào ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 52/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 02 năm 2023 về việc “*Tranh chấp về thừa kế tài sản và tranh chấp tài sản chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 331/2024/QĐXX-ST ngày 13 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

**\*Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị Thùy T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: số A, ấp P, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

**Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:**

1/Ông Nguyễn Minh B, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2/Ông Lê Minh T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: số 30/1, ấp Q, xã Q1, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Cùng địa chỉ liên hệ: số 105D, ấp B, xã B1, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

**\*Bị đơn:** Bà Lê Thị S, sinh năm: 1947;

Địa chỉ: ấp G, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

**Đại diện theo ủy quyền:** Bà Nguyễn Thị Trinh H, sinh năm 1967. Địa chỉ: C, tổ 6, khu phố 1, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

**\*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/Anh Nguyễn Q K, sinh năm 1998;

Địa chỉ: ấp G, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

**Đại diện theo ủy quyền:** Bà Nguyễn Ngọc Trinh H, sinh năm 1967.

Địa chỉ: số C, tổ 6, khu phố A, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2/Chị Trương Thanh T, sinh năm 2010. Địa chỉ: số C, khu phố X, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trương Thị Hồng P, sinh năm 1971.

Địa chỉ: số C, khu phố X, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Ngọc Trinh H, sinh năm 1967. Địa chỉ: số C, tổ X, khu phố Z, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà S, anh K, chị T: Luật sư Nguyễn Văn T – Văn phòng Luật sư Lê Vũ Hồng Huệ - Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ: số A, ấp P, xã P1, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

(Tại phiên tòa ông B, bà H, ông Thành có mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung, bản tự khai, biên bản hòa giải, cùng các văn bản trình bày ý kiến cũng như tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Minh B trình bày:*

Bà T và ông Nguyễn Văn Q kết hôn vào năm 2015, ông Q sinh năm 1972, chết năm 2021. Hàng thừa kế thứ nhất của ông Q hiện nay có 04 người là bà Lê Thị S (mẹ ruột ông Q); bà Phạm Thị Thùy T (vợ ông Q), anh Nguyễn Q K và chị Trương Thanh T (con riêng của ông Q). Quá trình chung sống, bà T và ông Q có tạo lập được khối tài sản chung là: Thửa đất số 81, tờ bản đồ số 26, diện tích 1.414,1m<sup>2</sup> tọa lạc tại xã Phong Năm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 22/7/2016. Thửa đất này ½ diện tích là phần của bà T; ½ diện tích là di sản của ông Q yêu cầu chia 04 phần bằng nhau cho 04 người thừa kế của ông Q.

Ngoài ra, lúc sinh thời ông Q có tạo lập thửa đất số 80, tờ bản đồ số 26, diện tích 3.291m<sup>2</sup>, tọa lạc tại xã Phong Năm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đứng tên ông Q; trên căn nhà tường cấp 4 trên đất (căn nhà là tài sản chung của bà T và ông Q). Đối với phần đất này bà T yêu cầu chia 04 phần bằng nhau cho 04 người thừa kế. Đối với căn nhà, ½ căn nhà là của bà T; ½ còn lại chia đều cho 04 người thừa kế, bà T yêu cầu được nhận căn nhà để tiếp tục sử dụng, bà đồng ý hoàn giá trị cho các đồng thừa kế còn lại. Ngoài những tài sản trên ông Q không còn di sản nào khác, bà T không tranh chấp gì thêm.

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc thì bà T yêu cầu được nhận các phần sau:

- Phần đất có diện tích 952,3m<sup>2</sup> thuộc thửa 80a và tài sản gắn liền với đất;
- Phần đất có diện tích 214,4m<sup>2</sup> thuộc thửa 81b; phần đất có diện tích 553,7m<sup>2</sup> thuộc thửa 81a và tài sản gắn liền với các phần đất nêu trên.

Ngoài diện tích bà yêu cầu được nhận, phần diện tích còn lại của thửa 80 và 81 theo kết quả đo đạc bà T không tranh chấp gì thêm, bà đồng ý tạm giao cho bà S, anh K, chị T được quyền quản lý sử dụng để có thu nhập. Bà T xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với nội dung yêu cầu bà Søren phải trả lại công sức và chi phí cải tạo, trồng dừa trên thửa đất số 132, tờ bản đồ số 26 với số tiền 100.000.000 đồng. Bà T đồng ý với kết quả đo đạc định giá, không ý kiến gì. Về

chi phí tố tụng bà đề nghị giải quyết theo quy định.

*Theo bản tự khai, biên bản hòa giải, cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Ngọc Trinh H trình bày:*

Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thống nhất về nguồn gốc đất, thống nhất hàng thừa kế thứ nhất của ông Q hiện nay có 04 người là bà S, bà T, anh K và chị T. Ông Q chết vào năm 2021, không để lại di chúc, vì vậy đề nghị chia di sản thừa kế của ông Q theo pháp luật. Di sản của ông Q để lại là thửa đất số 80 và thửa số 81 cùng tờ bản đồ số 26 trong đó thửa đất số 81 là tài sản chung của ông Q và bà T. Bà S, anh K, bé T yêu cầu chia  $\frac{1}{2}$  là của bà T,  $\frac{1}{2}$  còn lại chia 04 phần bằng nhau cho 04 người thừa kế.

- Thửa đất số 80, là tài sản riêng của ông Q. Vì vậy thửa đất này yêu cầu chia 04 phần bằng nhau cho 04 người thừa kế. Đối với căn nhà trên thửa 80 là tài sản chung của bà T và ông Q nên yêu cầu chia  $\frac{1}{2}$  cho T,  $\frac{1}{2}$  còn lại chia 04 phần cho 04 người thừa kế.

Bà S, anh K, chị T (do bà P đại diện) có yêu cầu được nhận chung phần di sản của ông Q để lại theo kết quả đo đạc, định giá là phần đất có diện tích 952,3 m<sup>2</sup> thuộc thửa 80a, diện tích 553,7m<sup>2</sup> thuộc thửa 81a; diện tích 1552,5m<sup>2</sup> thuộc thửa 80b và tài sản gắn liền với đất, bà S, chị T đồng ý giao cho anh K quản lý sử dụng và đứng tên quyền sử dụng đất chung phần di sản của ba người được nhận. Phần diện tích còn lại của thửa 80 và thửa 81 bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng ý giao cho bà T. Nếu phần 03 người được nhận có dư giá trị theo kỹ phân được nhận thì sẽ hoàn lại giá trị cho bà T. Bà S, anh K, bà P đã có làm đơn yêu cầu phản tố, đơn yêu cầu độc lập nộp cho Tòa án. Bà S, anh K, bà P đã nhận được thông Báo đóng tạm ứng án phí của Tòa án nhưng đến nay anh K, bà P (đại diện chị T) chưa đóng, bà S trên 60 tuổi không có tiền đóng nên xin được miễn đóng tạm ứng án phí. Tòa án đã giải thích quy định pháp luật nhưng các đương sự chưa có điều kiện để đóng tạm ứng án phí. Bà S, anh K, chị T (do bà P đại diện) cũng không yêu cầu đo đạc để xác định riêng phần di sản từng người được nhận mà chỉ yêu cầu đo đạc chung một phần di sản cho ba người và đồng ý giao cho anh K nhận. Do hoàn cảnh khó khăn chưa có tiền để đóng tạm ứng án phí để tòa chia thừa kế. Bà S, anh K, chị T đồng ý tạm nhận phần diện tích còn lại của thửa đất số 80 và thửa 81 sau khi Tòa án chia thừa kế cho bà T. Ngoài yêu cầu nêu trên thì bà S, anh K, bà P không tranh chấp gì thêm.

Đối với kết quả đo đạc định giá, thu thập chứng cứ bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng ý, không yêu cầu thu thập chứng cứ gì thêm.

*Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu quan điểm:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Đúng quy định.

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 73 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651 Bộ luật Dân sự;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thùy T về việc yêu cầu chia tài sản chung và chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Q để lại đối với phần đất diện tích 3.291m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 80, tờ bản đồ số 26, loại đất chuyên trồng lúa; phần đất có diện tích 1.414,1m<sup>2</sup> thuộc thửa 26, tờ bản đồ số 81, loại đất chuyên trồng lúa cùng tài sản gắn liền với đất tọa lạc xã Phong Năm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre và tài sản gắn liền với đất.

- Bà Phạm Thị Thùy T được nhận phần đất có diện tích 952,3m<sup>2</sup> thuộc thửa 80a, 553,7m<sup>2</sup> thuộc thửa 81a, 214,4m<sup>2</sup> thuộc thửa 81b cùng tờ bản đồ số 26 mục đích sử dụng: đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại Phong Năm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre và tài sản gắn liền với đất.

Ghi nhận bà T không tranh chấp phần diện tích còn lại của thửa 80, 81 và đồng ý tạm giao thửa 80b diện tích 1552,5m<sup>2</sup>, thửa 80c diện tích 785,7m<sup>2</sup>, thửa 81c, diện tích 646,1m<sup>2</sup> cho bà S, anh K, chị T (đại diện là bà P) được quyền quản lý, sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

Đối với căn nhà trên thửa đất số 80 là tài sản chung của ông Q và bà T nên phần tài sản chung bà T được chia là 1/2 căn nhà, 1/2 còn lại là di sản của ông Q chia đều cho 04 đồng thừa kế, nhưng vậy bà T được nhận 5/8 giá trị căn nhà, bà T đang sinh sống trên phần căn này và có nguyện vọng tiếp tục ở trên đất nên cần giao căn nhà này cho bà T tiếp tục quản lý sử dụng, bà T có nghĩa vụ giao lại cho bà S, anh K, chị T 3/8 giá trị căn nhà. Tạm giao bà T tạm quản lý giá trị 3/8 căn nhà trên thửa 80, tờ bản đồ số 26.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà T về việc yêu cầu bà S trả công sức cải tạo đất trên thửa 132, tờ bản đồ 26 với số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Bà Phạm Thị Thùy T yêu cầu chia tài sản chung và chia di sản thừa kế do ông Nguyễn Văn Q để lại là thửa đất số 80 và 81 cùng tờ bản đồ số 26 tọa lạc tại xã Phong Năm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Vì vậy xác định đây là tranh chấp về thừa kế tài sản và tranh chấp chia tài sản chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

- Về thời hiệu yêu cầu chia thừa kế: Ông Q chết năm 2021 do đó, căn cứ quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015, xác định còn thời hiệu khởi kiện để yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Q.

- Về người thừa kế: Căn cứ lời trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Q gồm có 04 người

là bà Lê Thị S (mẹ ruột ông Q); bà Phạm Thị Thùy T (vợ ông Q), anh Nguyễn Q K và chị Trương Thanh T (con ông Q).

- Về tài sản tranh chấp: Các đương sự thống nhất di sản thừa kế của ông Q để lại là thửa đất số 80, 81 cùng tờ bản đồ số 26; trong đó thửa đất số 81 và căn nhà trên thửa đất số 80 là tài sản chung của bà T và ông Q. Các đương sự thống nhất ông Q chết không để lại di chúc và đồng ý chia di sản của ông Q theo quy định của pháp luật và chia tài sản chung giữa ông Q và bà T.

- Đối với thửa đất số 81, tờ bản đồ số 26 diện tích  $1.414,1\text{m}^2$  và tài sản gắn liền với đất được ông Q và bà T nhận chuyển nhượng trong thời kỳ hôn nhân, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Q và bà T vào năm 2016 nên được xác định đây là tài sản chung của bà T và ông Q. Vì vậy theo quy định pháp luật  $\frac{1}{2}$  diện tích của thửa 81 là  $707,05\text{m}^2$  là tài sản được chia cho bà T;  $\frac{1}{2}$  diện tích còn lại là di sản của ông Q được chia cho 04 đồng thừa kế là bà T, bà S, anh K, chị T mỗi người nhận 01 kỹ phần với diện tích  $176,6\text{m}^2$ . Như vậy tổng diện tích thửa 81 bà T được nhận theo quy định là  $707,05\text{m}^2 + 176,6\text{m}^2 = 883,81\text{m}^2$ . Theo biên bản định giá ngày 28/3/2024, phần bà T được nhận trên thửa 81 trị giá  $500.000 \text{ đồng} \times 883,81\text{m}^2 = 441.907.000 \text{ đồng}$ . Về công trình kiến trúc: Trên đất có 01 căn nhà nền xi măng, móng cột bê tông cốt thép, vách tường, mái tôn fibroxi măng, không trần diện tích  $42,36 \text{ m}^2$  hiện đã hư hỏng, không người sử dụng, trị giá 45.749.435 đồng. Căn nhà trên đất anh K cho rằng ông Q và bà Hà có hứa cho riêng anh nhưng không có chứng cứ chứng minh nên vẫn xác định  $\frac{1}{2}$  là tài sản chung được chia cho bà T,  $\frac{1}{2}$  là di sản thừa kế của ông Q, mỗi kỹ phần trị giá 5.718.679 đồng. Bà T được nhận  $\frac{5}{8}$  giá trị căn nhà trị giá 28.593.396 đồng. Như vậy tổng giá trị tài sản trên thửa 81 bà T được nhận nếu chia đều theo quy định của pháp luật là  $441.907.000 \text{ đồng} + 28.593.396 \text{ đồng} = 470.500.396 \text{ đồng}$ .

Bà T yêu cầu nhận phần đất thuộc thửa 81 theo kết quả đo đạc gồm  $214,4 \text{ m}^2$  (thửa 81b) và  $553,7\text{m}^2$  (thửa 81a), tổng diện tích  $768,1\text{m}^2$ , có căn nhà trên đất. Tổng giá trị đất bà T yêu cầu được nhận là  $768,1\text{m}^2 \times 500.000 \text{ đồng} = 384.050.000 \text{ đồng}$  và căn nhà trên đất trị giá 45.749.435 đồng, tổng cộng là 429.799.435 đồng là cơ sở để chấp nhận. Giá trị tài sản thửa 81 bà T yêu cầu được nhận là thấp hơn 40.700.961 đồng so với kỹ phần được nhận.

- Đối với thửa đất 80, tờ bản đồ 26, có diện tích  $3291\text{m}^2$  được Ủy ban huyện Giồng Trôm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn Q vào ngày 02/5/2007. Các đương sự thống nhất thửa đất này là di sản thừa kế của ông Q, căn nhà trên thửa đất này là tài sản chung của bà T và ông Q nên  $\frac{1}{2}$  căn nhà là tài sản được chia cho bà T,  $\frac{1}{2}$  căn nhà còn lại là di sản của ông Q được chia cho 04 đồng thừa kế. Thửa đất số 80 nếu chia đều 04 phần thì mỗi kỹ phần là  $3291\text{m}^2 : 4 = 822,7\text{m}^2$ , theo biên bản định giá ngày 28/3/2024, giá đất trên thửa 80 là  $400.000 \text{ đồng/m}^2 \times 822,7\text{m}^2 = 329.080.000 \text{ đồng}$ . Đối với căn nhà trên đất và các công trình gắn liền với nhà theo biên bản định giá ngày 28/3/2024 trị giá 198.807.964 đồng, phần bà T nếu được chia đều theo pháp luật là  $\frac{5}{8}$  giá trị căn nhà là 124.254.977 đồng. Tổng giá trị nhà và đất bà T được nhận nếu chia đều là 453.334.977 đồng.

Bà T yêu cầu được nhận 952,3m<sup>2</sup> thuộc thửa 80 (ký hiệu 80a) theo kết quả đo đạc bao gồm căn nhà và các công trình gắn liền với căn nhà. Như vậy giá trị bà T yêu cầu được nhận là 952,3m<sup>2</sup> x 400.000 đồng = 380.920.000 đồng (cao hơn so với giá trị kỹ phần bà T được nhận trên thửa 80 là 51.840.000 đồng); Bà T yêu cầu nhận toàn bộ căn nhà, bà đồng ý hoàn lại giá trị 3/8 căn nhà cho các đồng thừa kế còn lại của ông Q nên ghi nhận. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện bà T đang sinh sống trên phần đất tranh chấp, từ khi ông Q chết, bà T là người gìn giữ, bảo quản, tu bổ khối tài sản chung và di sản do ông Q để lại đến nay. Nhằm ổn định cuộc sống cho bà T, cần giao các thửa 81a, thửa 81b, 80a liền kề nhau và có căn nhà trên đất theo yêu cầu của bà T là phù hợp. Các đồng thừa kế còn lại từ trước đến nay sinh sống nơi khác, không đóng góp công sức vào việc cải tạo, chăm sóc, gìn giữ di sản. Anh K, bà S, chị T yêu cầu được nhận thửa 81a, 80a, 80b, trong đó thửa 80a ngay vị T căn nhà bà T đang ở là không phù hợp nên không được chấp nhận.

Như vậy tổng giá trị phần tài sản thuộc thửa 80 bà T được nhận gồm phần đất thuộc thửa 80a trị giá nhận là 380.920.000 đồng + 5/8 giá trị căn nhà trị giá 124.254.977 đồng = 505.174.977 đồng. Phần giá trị cao hơn so với kỹ phần được nhận tại thửa 80 là 51.840.000 đồng được bù vào giá trị được nhận thấp hơn so với kỹ phần được nhận tại thửa 81 là 40.700.961 đồng. Giá trị chênh lệch còn lại là 11.139.039 đồng được tính vào công sức gìn giữ, quản lý, chăm sóc di sản từ khi ông Q chết cho đến nay nên bà T không phải hoàn lại cho các đồng thừa kế còn lại. Bà T được nhận toàn bộ căn nhà và các công trình phụ gắn liền với căn nhà nên bà T có trách nhiệm hoàn lại bà S, anh K, chị T (do bà P đại diện) 3/8 giá trị căn nhà còn lại là 74.552.986 đồng.

Phần diện tích còn lại của thửa 80, 81 cụ thể là thửa 80b diện tích 1552,5m<sup>2</sup>; thửa 80c diện tích 785,7m<sup>2</sup>; thửa 81c diện tích 646,1m<sup>2</sup> là di sản được chia cho các đồng thừa kế còn lại của ông Q là bà S, anh K, chị T (do bà P đại diện), hiện do bà T quản lý, sử dụng từ khi ông Q chết cho đến nay. Phần đất này bà T không tranh chấp, bà cũng đồng ý giao cho các đồng thừa kế còn lại quản lý sử dụng.

Bà S, bà P, anh K có yêu cầu nhận di sản của ông Q để lại, ba người nhận chung một phần và giao cho anh K đứng tên quyền sử dụng, không yêu cầu đo đạc chia ra ba phần riêng. Bà S có làm đơn phản tố, bà P, anh K có làm đơn yêu cầu độc lập. Bà S là người cao tuổi thuộc trường được miễn đóng tạm ứng án phí. Tòa án đã ra thông Báo yêu cầu anh K, bà P đóng tạm ứng án phí, hết hạn thông Báo vào ngày 16/7/2024 anh K, bà P không nộp tạm ứng án phí. Nhằm để giải quyết dứt điểm các tranh chấp trong vụ án này, Tòa án đã tạo điều kiện cho các đương sự gia hạn thời gian đóng tạm ứng án phí, nhưng đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 06/9/2024 anh K, bà P vẫn không đóng tạm ứng án phí. Vì vậy, Tòa án không thụ lý đối với các yêu cầu này nên chưa có cơ sở để Hội đồng xét xử chia thừa kế theo ý kiến của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bà T đồng ý tạm giao cho anh K, bà S, chị T (do bà P đại diện) phần diện tích đất và tài sản gắn liền với đất tại các thửa 80b diện tích 1552,5m<sup>2</sup>; thửa 80c diện tích 785,7m<sup>2</sup>; thửa 81c diện tích 646,1m<sup>2</sup> để các đương sự nêu trên được vào sử dụng đất, thu huê lợi cải thiện đời sống. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

cũng đồng ý nhận, nên Hội đồng xét xử ghi nhận tạm giao phần diện tích tại các thửa 80b diện tích 1552,5m<sup>2</sup>; thửa 80c diện tích 785,7m<sup>2</sup>; thửa 81c diện tích 646,1m<sup>2</sup> cho bà S, anh K, chị T (do bà P đại diện) nhận. Sau này các đồng thừa kế còn lại của ông Q là bà S, anh K, chị T (do bà P đại diện) có quyền tự thỏa thuận phân chia, nếu có phát sinh tranh chấp thì được quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

Đối với 3/8 giá trị căn nhà trên thửa 80 còn lại là di sản của ông Q trị giá 74.552.986 đồng được chia cho các đồng thừa kế còn lại của ông Q là bà S, anh K, chị T (do bà P đại diện) mỗi người được nhận 24.850.995 đồng. Do các đồng thừa kế chưa làm thủ tục phân tố, yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử tạm giao giá trị 3/8 căn nhà này trị giá 74.552.986 đồng cho bà T tiếp tục quản lý. Sau này bà S, anh K, chị T có quyền thỏa thuận với bà T để nhận phần di sản này, nếu có phát sinh tranh chấp thì được quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

Bà T xin rút lại yêu cầu bà S bồi thường công sức cải tạo đất trên thửa 132 với số tiền 100.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này của bà T.

[3] Chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc, định giá, thu thập chứng cứ tổng là 15.298.000 đồng, được chia đều cho bà T, bà S, anh K, bà P (đại diện cho chị T) mỗi người phải nộp là 3.824.500 đồng. Bà T đã nộp tạm ứng là 8.000.000 (tám triệu) đồng nên được khấu trừ. Tòa án đã hoàn lại cho bà T chi phí tố tụng còn lại là 4.175.000 (bốn triệu, một trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng. Anh K đã nộp tạm ứng là 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng và đồng ý đây là chi phí nộp chung cho anh K, bà S và bà P (3.824.500 đồng x 3 = 11.473.500 đồng nên được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng. Tòa án đã hoàn lại cho anh K chi phí còn lại là 3.526.500 (ba triệu, năm trăm hai mươi sáu nghìn, năm trăm) đồng. Ghi nhận các đương sự đã nộp xong.

[4] Lời phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát về vấn đề tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và ý kiến đề nghị về việc giải quyết nội dung vụ án là phù hợp với việc đánh giá chứng cứ của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Tổng giá trị tài sản trên thửa 81 và thửa 80 bà Phạm Thị Thùy T được nhận là 429.799.435 đồng + 505.174.977 đồng = 934.974.412 đồng, do đó bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch được tính là 36.000.000 đồng + 3% của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt 800.000.000 đồng = 40.049.232 (bốn mươi triệu, không trăm bốn mươi chín nghìn, hai trăm ba mươi hai) đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.500.000 (bốn triệu, năm trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0000165 ngày 07/02/2023 và số tiền 2.500.000 (hai triệu, năm trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0006097 ngày 31/7/2023 của Chi cục thi hành án huyện Giồng Trôm. Số tiền án phí còn lại bà T có nghĩa vụ tiếp tục nộp là 33.049.232 (ba mươi ba triệu, không trăm bốn mươi chín nghìn, hai trăm ba mươi hai) đồng.

*Vì các lý trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 231, 214, 609, 612, 613, 623, 649, 650, 651 và Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 147, 157, 165 và Điều 166 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

*Tuyên xử:*

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thùy T về việc yêu cầu chia tài sản chung và chia di sản thừa kế để lại đối với phần đất diện tích 3.291m<sup>2</sup> thuộc thửa số 80, tờ bản đồ số 26, loại đất chuyên trồng lúa; phần đất có diện tích 1.414,1m<sup>2</sup> thuộc thửa 26, tờ bản đồ số 81, loại đất chuyên trồng lúa tọa lạc xã Phong Năm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre cùng tài sản gắn liền với đất, cụ thể:

- Bà Phạm Thị Thùy T được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 952,3m<sup>2</sup> thuộc thửa 80a, 553,7m<sup>2</sup> thuộc thửa 81a, 214,4m<sup>2</sup> thuộc thửa 81b cùng tờ bản đồ số 26 mục đích sử dụng: đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại Phong Năm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre và tài sản gắn liền với đất.

Bà Phạm Thị Thùy T được quyền liên hệ với cơ quan chức năng có thẩm quyền để làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo nội dung bản án đã tuyên.

-Tạm giao thửa đất 80b diện tích 1552,5m<sup>2</sup>, thửa 80c diện tích 785,7m<sup>2</sup>, thửa 81c diện tích 646,1m<sup>2</sup> cùng tờ bản đồ số 26, mục đích sử dụng đất: đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại xã Phong Năm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre cho bà Lê Thị S, anh Nguyễn Q K, chị Trương Thanh T (đại diện là bà Trương Thị Hồng P) được quyền quản lý, sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

-Tạm giao cho bà Phạm Thị Thùy T quản lý giá trị 3/8 căn nhà trên thửa 80, tờ bản đồ số 26 trị giá 74.552.986 (bảy mươi bốn triệu, năm trăm năm mươi hai nghìn, chín trăm tám mươi sáu) đồng.

-Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thùy T về việc yêu cầu bà Lê Thị S trả công sức cải tạo đất trên thửa 132, tờ bản đồ 26 với số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

*(có hồ sơ đo đạc kèm theo bản án)*

[2] Về chi phí tố tụng : Chi phí thu thập chứng cứ bà Phạm Thị Thùy T, bà Lê Thị S, anh Nguyễn Q K, bà Trương Thị Hồng P (đại diện cho chị Trương Thanh T) mỗi người phải nộp là 3.824.500 (ba triệu, tám trăm hai mươi bốn nghìn, năm trăm) đồng. Ghi nhận các đương sự đã nộp xong.

[3] Về án phí dân sự:

- Bà phạm Thị Thùy T có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 40.049.232 (bốn mươi triệu, không trăm bốn mươi chín nghìn, hai trăm ba mươi hai) đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.500.000 (bốn triệu, năm trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0000165 ngày 07/02/2023 và số tiền 2.500.000 (hai triệu, năm trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0006097 ngày 31/7/2023 của Chi cục thi hành án huyện Giồng Trôm. Số tiền án phí còn lại bà

Phạm Thị Thùy T có nghĩa vụ tiếp tục nộp là 33.049.232 (ba mươi ba triệu, không trăm bốn mươi chín nghìn, hai trăm ba mươi hai) đồng.

[4] Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

*“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**Nguyễn Thị Ngoan**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thành Đông      Phạm Thành Đồng      Nguyễn Thị Ngoan**

